

4. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982;
5. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987;
6. Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1989;
7. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992;
8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1996;
9. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1997;
10. Cháu Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 2002.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định.

Người đại diện uỷ quyền của các ông (bà) N, T, T, T, N, T, T, T, T: ông Nguyễn Trọng H;

Do có kháng cáo của người khởi kiện: Ông Nguyễn Trọng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, người khởi kiện ông Nguyễn Trọng H và là đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Thanh T và cháu Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Sau năm 1975, ông và cha mẹ ông tên Nguyễn P và Nguyễn Thị C cùng khai hoang thửa đất có tục danh Đất Đá với diện tích trên khoảng 5.000m², tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, Tây giáp đường đi Đ, Bắc giáp đất ông Trần N, ông Trần C, Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T, Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu L và những mảnh đất lân cận. Gia đình ông sống ổn định, làm ăn trên mảnh đất này đến năm 2000 không ai tranh chấp. Năm 2000, Nhà nước lấy đất của tôi để bán đấu giá là trái pháp luật. Năm 1985, ông làm công nhân đường sắt nghỉ việc lý do giảm biên chế thôi việc, nên ông về khai hoang 01 vùng đất có tục danh là đầm Bờ Bạ, diện tích khoảng 2.000m², tọa lạc tại thôn T, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định; sử dụng đến năm 1987, Nhà nước đắp đê làm đập. Do Nhà nước lấy đất của ông tại đầm đất có tục danh là đầm Đất Đá để bán đấu giá cho người dân và đầm có tục danh là đầm Bờ Bạ để xây dựng hồ T đắp đê ngập nước. Nhà nước thu hồi đất của ông như vậy mà không đền bù cho gia đình ông là không đúng. Hiện nay, gia đình ông thuộc diện hộ nghèo, đông con, không có đất để canh tác nuôi sống gia đình. Trong khi đó, các hộ lân cận cũng khai hoang giống như ông, Nhà nước không thu hồi vẫn giữ nguyên. Ông không nhận được bất kỳ giấy tờ gì về việc thu hồi đất. Riêng đầm Bờ Bạ những hộ lân cận được đền bù, còn gia đình ông bỏ lốt không được đền bù, nên ông có làm đơn khiếu nại đến UBND huyện P và UBND huyện ra Quyết định số 567/QĐ – UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P, ông không đồng ý với quyết định của UBND huyện Phù Cát, nên ông khiếu nại đến UBND tỉnh Bình Định. UBND tỉnh Bình Định không chấp nhận yêu cầu của ông và ra Quyết định 1531/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giữ nguyên Quyết định số 567/QĐ – UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P. Nên ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Nay ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P giải quyết khiếu nại lần đầu. Vì không công nhận toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H về việc: Đề nghị Nhà nước trả lại mảnh đất có tực danh “Đám đất Đá” diện tích trên 01 mẫu ($5.000m^2$) do ông và cha mẹ ông khai hoang sau năm 1975 và yêu cầu bồi thường việc khai dỡ đám đất có tực danh “Bờ Bạ” có diện tích hơn 04 sào ($2.000m^2$) do xây dựng hồ T đắp đê ngập nước; ông đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giao lại đất ruộng vì hộ gia đình đông người nhưng chưa được giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính Phủ và hủy Quyết định 1531/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định. Vì công nhận và giữ nguyên Quyết định số 567/QĐ –UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P về giải quyết khiếu nại.

Bên cạnh các đơn khởi kiện vụ án hành chính người khởi kiện còn cung cấp cho Tòa án một số tài liệu chứng cứ khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện. Ngoài ra người khởi kiện không tự mình thu thập được bất kỳ chứng cứ nào khác mà không có yêu cầu Tòa án thu thập thêm tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Tuấn Thanh – Phó chủ tịch UBND tỉnh Bình Định trình bày:

Theo xác nhận của UBND xã C về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất liên quan đến thửa đất có tực danh “Đất Đá” thuộc toàn phần các thửa đất số 46, 50, 54 và một phần thửa đất số 44, 58, tờ bản đồ số 1, với diện tích $13.933,5m^2$. Theo hồ sơ địa chính (bản đồ địa chính, sổ địa chính và sổ mục kê) do Sở địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) phê duyệt ngày 09/11/1998 thì thửa đất có tực danh “Đất Đá” nêu trên thuộc các thửa đất số 1112, 1113, 1114, 1115 loại đất màu thuộc tờ bản đồ số 01 thuộc đất công ích do UBND xã C quản lý.

Nguồn gốc đất do cha ông Nguyễn Trọng H là ông Nguyễn P (chết năm 2007) và mẹ là Đinh Thị C (chết năm 2017) khai vỡ đất hoang từ sau năm 1975 để trồng hoa màu, có giới cận Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu L, Tây giáp đường đi cộng đồng, Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T, Bắc giáp đất ông Trần T, ông Trần N. Hộ ông Nguyễn P (cha của ông Nguyễn Trọng H) là hộ xã viên Hợp tác xã nông nghiệp C 1, theo quy định về chính sách hợp tác xã hóa nông nghiệp tỉnh N ban hành ngày 26/7/1979: Người vào Hợp tác xã nông nghiệp góp toàn bộ ruộng đất của mình vào Hợp tác xã, không được dấu bớt làm của riêng. Do đó, toàn bộ ruộng đất của hộ ông Nguyễn P đã được đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp C 1 để sản xuất, làm ăn tập thể, trong đó có thửa đất tực danh “Đất Đá”. N 1993, hộ gia đình ông Nguyễn P (cha của ông Nguyễn Trọng H) được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, gồm 02 thửa đất: Thửa đất số 227 (01), tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất hạng 2, diện tích $370m^2$ và thửa đất 996, tờ bản đồ số 02, đất vườn thửa hạng 2, diện tích $1.610m^2$ (gồm: $200m^2$ đất ở và $1.410m^2$ đất vườn). Riêng thửa đất có tực danh “Đất Đá” nêu trên, Chính quyền địa phương không xét giao cho hộ ông P cũng như các hộ khác và đưa vào quỹ đất công ích do xã quản lý. Ngày 27/8/2000, UBND xã cát Tường tổ chức đấu giá công khai để cho thuê đất công

ích của xã, bao gồm thửa đất có tục danh “Đám Đá” nêu trên, kết quả: Hộ ông Trần Lê (vợ là bà Trần Thị T) trúng đấu giá (theo hợp đồng số 02A/HĐ-UB ngày 07/9/2000 với diện tích 9.950m²) và hộ ông Nguyễn Trọng H (anh ruột ông Nguyễn Trọng H, hiện nay đã chết), vợ là bà Hồ Thị N trúng đấu giá (theo hợp đồng số 02B/HĐ-UB ngày 07/9/2000 với diện tích 9.950m²). Hiện trạng thửa đất có tục danh “Đất Đá” do hộ ông Trần Lê và hộ bà Hồ Thị N trồng cây Điều.

Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất có tục danh “Bờ Bạ”:

Theo báo cáo của UBND xã C: Từ khoảng năm 1980 đến năm 2012, Hồ T được xây dựng sửa chữa và nâng cấp nhiều lần, Hồ T Sơn được xây dựng vào năm 1980, do Hợp tác xã nông nghiệp 1 C làm chủ đầu tư. Về hồ sơ bồi thường khi xây dựng Hồ T do Hợp tác xã nông nghiệp 1 C quản lý (Hợp tác xã nông nghiệp 1 C đã giải thể khoảng năm 1991, không còn hồ sơ lưu trữ), UBND xã C không có lưu giữ hồ sơ bồi thường của dự án trong khoảng thời gian này. Đến năm 2008, thực hiện Dự án Nâng cấp xây dựng tràn Hồ T, UBND huyện P đã ban hành Quyết định số 1306/QĐ-CTUBND ngày 18/12/2018 về việc phê duyệt phương án và giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình nâng cấp xây dựng tràn Hồ T; theo đó, có 20 hộ có đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng (không có thửa đất “Bờ Bạ” và không có tên hộ ông Nguyễn Trọng H) 20 hộ dân có đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng dự án đã thực hiện kê khai, nhận đủ số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ và không có đơn thư khiếu nại liên quan đến việc kiểm kê, đo đạc thiếu diện tích đất của cơ quan chức năng. Sau khi hoàn thành Dự án nâng cấp hồ chứa nước T thì một số thửa đất xung quanh hồ bị ngập nước; UBND huyện P ban hành Quyết định số 2141/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 11 năm 2012 về việc kiện toàn Tổ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất, tài sản trên đất bị ngập nước do nâng cấp hồ chứa nước T. Ngày 28/12/2012, UBND huyện P ban hành Quyết định số 2475/QĐ-CTUBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất, tài sản trên đất bị ngập nước do nâng cấp hồ chứa nước T; theo đó, có 26 hộ có đất và tài sản trên đất nằm phía ngoài hồ T bị ngập nước, gồm: Xã Cát Trinh có 20 hộ và xã C có 06 hộ (không có thửa đất “Bờ Bạ” và không có tên hộ ông Nguyễn Trọng H). Tất cả 26 hộ dân có đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng dự án đã thực hiện kê khai, nhận đủ số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ và không có đơn thư khiếu nại liên quan đến việc kiểm kê, đo đạc thiếu diện tích đất của cơ quan chức năng. Theo xác nhận của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện P về trình tự thực hiện bồi thường, hỗ trợ dự án nâng cấp, mở rộng hồ T. UBND huyện P thành lập Tổ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phần diện tích đất, tài sản trên đất bị ngập nước khi nâng cấp hồ chứa nước T; Trung tâm Phát triển quỹ đất với UBND xã C, UBND xã Cát Trinh tiến hành kiểm điểm đối với từng thửa đất bị ảnh hưởng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện đã gửi danh sách các thửa đất bị ảnh hưởng cho UBND xã C và UBND xã Cát Trinh để xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất để tính toán bồi thường, hỗ trợ. Từ khi thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng phần diện tích, tài sản trên đất bị ngập nước khi nâng cấp hồ chứa nước T từ năm 2008 đến nay là 12 năm, người dân của xã Cát Trinh và xã

C không có khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến việc tính toán bồi thường, hỗ trợ của dự án này (ông Nguyễn Trọng H không có đơn thư khiếu nại về việc các cơ quan chức năng kiểm kê, đo đạc thiếu diện tích đất ông).

Về yêu cầu giao thêm đất nông nghiệp: Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Ngày 15/7/1994, UBND xã C đã xây dựng phương án giao quyền và cấp GCNQSDĐ ruộng đất lâu dài cho Nhân dân xã C; theo đó, đối tượng được giao đất là nhân khẩu sống chủ yếu bằng nghề nông, có hộ khẩu thường trú hợp lý tại xã C (kể cả các con cháu hộ nông dân đang học các trường Đại học, Trung học chuyên nghiệp, đang thực hiện nghĩa vụ quân sự). Đối tượng không được giao đất là nhân khẩu không thường trú tại xã C và có tên mà vắng mặt địa phương từ 01 năm trở lên. Về cách tính giao ruộng đất theo bình quân nhân khẩu (tại trang số 10 của phương án cấp GCNQSD ruộng đất lâu dài cho Nhân dân xã C), nêu: Căn cứ vào kết quả điều tra, phân loại hộ khẩu, tổng kết quy chuẩn ruộng đất thì bình quân nhân khẩu được giao và cấp GCNQSD ruộng đất của xã C là 457m²/nhân khẩu, cụ thể: Cứ 01 nhân khẩu được giao 457m² ruộng hạng 4, hoặc 315m² ruộng hạng 1, hoặc 361m² ruộng hạng 2, hoặc 388m² ruộng hạng 3, hoặc 534m² ruộng hạng 5 hoặc 630m² ruộng hạng 6..., hoặc 772m² đất màu hạng 1, hoặc 1024m² đất thổ cư thửa hạng 1, hoặc 1457m² đất màu hạng 2. Tại thời điểm cân đối giao quyền sử dụng đất, hộ khẩu của bà Nguyễn Thị N (bà N sinh năm 1962, đứng tên chủ hộ là vợ của ông Nguyễn Trọng H) và 05 người con: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987, Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1989, Nguyễn Thanh T, sinh năm 1992, ông Nguyễn Trọng H không đăng ký thường trú tại địa phương, nhưng thực tế ở tại địa phương (theo xác nhận của Công an huyện P tại Văn bản số 1628/CAH-QLHC ngày 24/12/2019: N 1982, ông Nguyễn Trọng H đi làm công nhân đường sắt N tại huyện Tuy Phước. Đến năm 1986, ông thôi việc và trở về địa phương sinh sống nhưng không đăng ký thường trú). Xét điều kiện thực tế, hộ gia đình bà Nguyễn Thị N (vợ của ông H) ở tại địa phương có tổng số 7 nhân khẩu, UBND xã C đã xét giao và được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ số 0087-TS1 ngày 24 tháng 10 năm 1997 cho hộ ông Nguyễn Trọng H sử dụng 06 thửa đất, gồm: 04 thửa đất ruộng lúa, với tổng diện tích 2.470m² (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa, đất hạng 2, diện tích 850m²; thửa đất số 85, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất hạng 5, diện tích 500m²; thửa đất số 87, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất hạng 5, diện tích 290m²; thửa đất số 600, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất hạng 4, diện tích 830m²); 01 thửa đất trồng cây hàng năm khác (ĐRM) số 590, tờ bản đồ số 2, đất hạng 2, diện tích 540m² và diện tích 1.620m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.420m² đất vườn, đất hạng 2, hiện nay gia đình ông H đang ở) thuộc một phần thửa đất số 1072, tờ bản đồ số 2. Căn cứ phương án giao quyền và cấp GCNQSD ruộng đất lâu dài cho Nhân dân xã C thì gia đình ông H đã được giao đất đủ nhân khẩu, với diện tích đất được giao tương đương trên 7 nhân khẩu (7,33 nhân khẩu).

Kết quả giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H: Từ năm 2019 đến năm 2020, ông Nguyễn Trọng H liên tục có đơn với nội dung: Đòi lại thửa đất có tực danh “Đất Đá” tại xã C, huyện P; yêu cầu bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với thửa đất có tực danh “Bờ Bạ” do thi công là hồ T (hồ K’rung) thuộc thôn T, xã C, huyện P đã xâm lấn toàn bộ thửa đất ông đang sử dụng và yêu cầu giao thêm đất nông nghiệp vì hiện nay gia đình thuộc diện hộ nghèo, đông con, không có đất canh tác, sản xuất. Trên cơ sở báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát hồ sơ và đề xuất của các cơ quan chức năng của huyện, Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Trọng H, theo đó: “Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H”. Không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện P, ông Nguyễn Trọng H tiếp tục gửi đơn đến UBND tỉnh. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc, kết quả đối thoại và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 56/BC-STNMT ngày 31/3/2021 và Văn bản số 791/STNMT-TTRA ngày 20/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Trọng H, với nội dung: “Đối với thửa đất có tực danh “Đất Đá”, hộ ông Nguyễn P (cha ông Nguyễn Trọng H) là xã viên Hợp tác xã nông nghiệp 1 C, theo quy định chính sách hợp tác hóa nông nghiệp tỉnh N ban hành ngày 26/7/1979 thì thửa đất có tực danh “Đất Đá” nêu trên đã được Hợp tác xã nông nghiệp 1 C quản lý sản xuất tập thể. Đến thời điểm cân đối giao quyền theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, hộ ông Nguyễn P đã được Nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất theo quy định và thửa đất có tực danh “Đất Đá” do UBND xã C quản lý theo quỹ đất công ích và đã tổ chức đấu giá. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật đất đai 2013: “Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”, do đó việc ông Nguyễn Trọng H khiếu nại đòi lại thửa đất có tực danh “Đất Đá” tại xã C, huyện P là không có cơ sở để xem xét giải quyết; Đối với thửa đất có tực danh “Bờ Bạ”: Việc ông Nguyễn Trọng H khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với thửa đất có tực danh “Bờ Bạ” tại Hồ T, xã C, huyện P là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì: Từ khi xây dựng, sửa chữa và nâng cấp hồ T từ năm 1980 đến nay, theo hồ sơ bồi thường, hỗ trợ của dự án qua các thời kỳ không có hộ ông H; đến nay ông H mới phát sinh khiếu nại, nhưng ông không cung cấp được các giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất của gia đình ông đối với thửa đất “Bờ Bạ” và đã quá thời hiệu khiếu nại. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật đất đai năm 2013 và Điều Luật khiếu nại năm 2011, khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông đối với thửa đất có tực danh “Bờ Bạ” của ông Nguyễn Trọng H không xem xét giải quyết, vì quá thời hiệu khiếu nại.

Về việc yêu cầu giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ cho gia đình ông thêm 01 nhân khẩu là không có cơ sở để giải quyết, vì: Căn cứ phương án cấp GCNQSD ruộng đất lâu dài cho Nhân dân xã C, UBND xã C đã xét cân đối giao quyền đất nông nghiệp cho gia đình ông H đủ nhân

khẩu (không phải 6 nhân khẩu như trình bày của ông H), trong đó có ông Nguyễn Trọng H và ông là người đại diện hộ gia đình đứng tên trên GCNQSDĐ số 0087-TS1 ngày 24/10/1997. UBND khẳng định: Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Trọng H là đúng quy định của pháp luật. Do đó, việc ông Nguyễn Trọng H yêu cầu hủy Quyết định số 1531/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là không có cơ sở.

Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện P, đại diện theo ủy quyền ông Phạm Dũng Luận – Phó chủ tịch UBND huyện P trình bày:

UBND huyện P nhận được Văn bản số 2450/STNMT-TTRA ngày 05/11/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định về việc chuyển đơn của ông Nguyễn Trọng H (kèm theo đơn ghi ngày 29/10/2019), nội dung đơn: Đề nghị Nhà nước trả lại mảnh đất có tực danh “Đất Đá” với diện tích khoảng 1 mẫu, vì mảnh đất này do cha, mẹ ông Nguyễn Trọng H khai hoang sau năm 1975 để trồng hoa màu, nhưng đến năm 2000 UBND xã C thu hồi, năm 1985, gia đình ông khai vỡ đám đất có tực danh “Bờ Bạ” hơn 04 sào nhưng UBND xã C; xây dựng hồ T đắp đê ngập nước không bồi thường phản ánh ông Nguyễn Đức Hoàng, Chủ tịch UBND xã C yêu cầu đưa 01 con heo rừng để giải quyết vụ việc nêu trên nhưng không giải quyết mà yêu cầu đưa thêm chồn, nhím. Ngày 09/3/2020, UBND huyện có Văn bản số 266/UBND-TTr, về việc trả lời đơn ông Nguyễn Trọng H (trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh của thanh tra huyện tại báo cáo số 06/BC-TTr ngày 06/3/2020), theo đó: Việc ông Nguyễn Trọng H đề nghị Nhà nước trả lại mảnh đất có tực danh “Bờ Bạ” với diện tích hơn 04 sào do xây dựng hồ T đắp đê ngập nước là không có cơ sở, đối với đơn phản ánh ông Nguyễn Đức Hoàng, Chủ tịch UBND xã C yêu cầu đưa 01 con heo rừng để giải quyết vụ việc nêu trên nhưng không giải quyết mà yêu cầu đưa thêm chồn, nhím: qua làm việc ông Nguyễn Trọng H không có chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh việc phản ánh nội dung trên và ông Nguyễn Trọng H xin rút lại nội dung phản ánh nêu trên. Ngày 09/12/2020, UBND tỉnh có Văn bản số 8196/UBND-TD, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H, theo đó, giao UBND huyện P ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Trọng H. Ngày 03/02/2021, Chủ tịch UBND huyện đã tổ chức đối thoại với ông Nguyễn Trọng H, kết quả như sau: Thống nhất với kết quả kiểm tra, xác minh theo báo cáo số 06/BC-TTr ngày 06/3/2020 về kết quả kiểm tra, xác minh đơn của ông Nguyễn Trọng H ở thôn T, xã C, huyện P, theo đó: không công nhận các nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H vì các nội dung ông H khiếu nại không có cơ sở để xem xét, giải quyết; ông Nguyễn Trọng H không thống nhất với kết quả đối thoại. Ngày 04/3/2021, UBND huyện ban hành Quyết định số 567/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Nguyễn Trọng H ở thôn T, xã Cát tường, huyện P, theo đó, không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H về việc: Đề nghị Nhà nước trả lại mảnh đất có tực danh “Đất Đá” với diện tích khoảng 01 mẫu (do cha, mẹ ông Nguyễn Trọng H khai hoang sau năm 1975); bồi thường việc khai vỡ đám đất có tực danh “Bờ Bạ” hơn 04 sào do xây dựng

hồ T đắp đê ngập nước; đề nghị cấp thẩm quyền xem xét giao ruộng vì chưa được giao theo Nghị định 64/CP của Chính phủ. Ngày 29/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1531/QĐ-UBND, về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H (lần hai), theo đó: công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P về việc giải quyết khiếu nại đối với ông Nguyễn Trọng H ở thôn T, xã C, huyện P. N vậy, việc ông Nguyễn Trọng H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 là không có cơ sở, UBND huyện P giữ nguyên quan điểm tại Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Trọng H gồm 63 tờ đã được đánh số thứ tự từ số 01 đến số 63 (có danh mục hồ sơ kèm theo)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã C, đại diện theo ủy quyền ông Đặng Văn Được- Phó Chủ tịch UBND xã C trình bày:

Qua xem xét hồ sơ lưu trữ tại UBND xã C việc ông Nguyễn Trọng H khiếu nại đòi lại phần diện tích có tục danh “Đất Đá” tại xã C, huyện P. Theo đó, thửa “Đất Đá” thuộc các thửa 46, 50, 54 và một phần thửa 44, 58, tờ bản đồ số 01 của bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2004 với diện tích 13.933m². Theo hồ sơ địa chính do giám đốc Sở địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) ký công nhận ngày 09/11/1998, thửa đất có tục danh “Đất Đá” nêu trên thuộc các thửa đất số 1112, 1113, 1114, 1115 loại đất màu thuộc tờ bản đồ số 01, loại đất công ích do UBND xã C quản lý.

Nguồn gốc đất có tục danh “Đất Đá” do cha ông Nguyễn Trọng H là ông Nguyễn P (chết 2007) và mẹ là Đinh Thị C (chết năm 2017) khai hoang từ sau năm 1975 để trồng hoa màu có diện tích khoảng 01 mẫu có giới cận phía Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu L, phía Tây giáp đường đi cộng đồng, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T, phía Bắc giáp đất ông Trần T, ông Trần Nghị. Hộ gia đình ông P bà C là cha mẹ của ông Nguyễn Trọng H tham gia vào hợp tác xã là xã viên Hợp tác xã nông nghiệp 1 C. Theo quy định chính sách Hợp tác xã nông nghiệp tỉnh N ngày 26/7/1979 góp toàn bộ ruộng, đất, ao, hồ của mình vào hợp tác xã trong đó có tục danh “Đất Đá”. N 1993, thực hiện cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất theo Nghị định 64/CP thì hộ ông P được giao lại thửa đất 996, tờ bản đồ số 02 diện tích 370m² loại đất trồng lúa và thửa đất 996, tờ bản đồ số 02 diện tích 1610m² trong đó có 200m² đất ở, 1410m² đất vườn tại thời điểm giao quyền hộ ông P có 02 nhân khẩu, các con ông P có gia đình và tách khẩu ở riêng.

Ông Nguyễn Trọng Hiếu khiếu nại cấp có thẩm quyền bồi thường đối với thửa đất có tục danh “Bờ Bạ”. N 1980 đến nay Hồ T xây dựng và nâng cấp nhiều lần Hồ T xây dựng năm 1980 do Hợp tác xã nông nghiệp 1 C làm chủ đầu tư. Hồ sơ bồi thường của Hồ T do Hợp tác xã nông nghiệp 1 C quản lý, Hợp tác xã nông nghiệp 1 C đã giải thể năm 1991 không còn hồ sơ lưu do sự chóng kho lưu trữ, tại thời điểm này ông Nguyễn Trọng H không có khiếu nại gì. Cân đối giao quyền sử dụng đất theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993. Theo sổ địa chính 1998 (quyển số 1) hộ gia đình ông Nguyễn Trọng H được giao 06 thửa gồm 04 thửa đất ruộng lúa với diện tích 2.470m², 01 thửa đất màu diện tích

540m² 1.420m² đất vườn. N vậy UBND xã C cân đối giao quyền sử dụng đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP năm 1993 cho gia đình ông H trên 07 nhân khẩu chứ không phải 06 nhân khẩu như ông H đã phản ánh. Ông H đại diện hộ gia đình đứng tên GCNQSDĐ số 0087-TS1 ngày 24/10/1997 do Chủ tịch UBND huyện P ký cấp. Việc yêu cầu của ông H hủy Quyết định của UBND tỉnh Bình Định và hủy Quyết định của UBND huyện P là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P và Quyết định số 1531/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Thanh T, ông Nguyễn Thanh T, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị Thanh N, ông Nguyễn Thanh T, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thanh T, cháu Nguyễn Thị Thanh T cùng trình bày:

Các ông bà là vợ con của ông Nguyễn Trọng H, thống nhất theo lời khai của ông Nguyễn Trọng H. Ngoài ra không bổ sung gì thêm.

Nhân chứng ông Đinh Thị trình bày: Sau giải phóng năm 1975, gia đình ông Nguyễn Trọng H đi phát Lâm trường cùng với mọi người. Đến năm 2000 xã tự động thu đất gia đình ông Nguyễn Trọng H cho đấu giá, đất của những người khác không thu, ông là người dân rất bức xúc, ông tự khai và nhờ Nhà nước giúp đỡ.

Nhân chứng ông Nguyễn Hữu L trình bày: Lúc nhỏ ông có theo cha đi làm rẫy vào khoảng những năm đầu của thập niên 1980 thì ông biết vùng đất này của ông Nguyễn P (cha ông Nguyễn Trọng H) khai hoang và đang canh tác (trồng mía, trồng mì) cho đến năm 2000 thì UBND xã C có thu hồi và cho đấu thầu để trồng cây lâu năm cụ thể làm vườn Điều. Vùng đất này ông được biết giáp đường đi lên núi phía Tây, phía Đông giáp đất bà Hồ Thị N, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T, phía Bắc giáp đất bà Hồ Thị N.

Nhân chứng ông Trần Văn Mười trình bày: Trước đây ông theo bố ông là ông Trần Quý làm cùng một mảnh đất với cha ông Nguyễn Trọng H và biết được cha ông H có khai hoang mảnh đất hiện đang tranh chấp. Sau này, UBND xã C cho đấu giá làm công ích xã mảnh đất hiện nay là vườn Đào ông Trần C, bà Hồ Thị N, mảnh đất phía Nam cạnh Vườn ông Nguyễn T, phía Tây giáp đường đi.

Nhân chứng ông Nguyễn Ninh trình bày: N 1977 cho đến năm 1982 ông có đi kinh tế giáp ranh xã thuộc khu vực gần đó. Từ năm 1979 đến năm 1981, ông làm đội phó khu vực thuộc đội sản xuất Đồi 13. Ông nhận thấy cha của ông H khai phá rừng khai hoang, phụ hóa, phát cây, đào gốc để làm rẫy rất vất vả, vùng đất đó trước đây là một khu rừng hoang, cha ông H đã bỏ công sức suốt ròng 3 đến 4 năm liền mới sang bằng. Ông thấy và được biết, ông công nhận có việc cha ông H khai hoang là đúng sự thật.

Nội dung vụ án được xác định như trên, Tại Bản án sơ thẩm số 43/2022/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:

- Căn cứ quy định tại các Điều 30; Điều 32; Điều 116; Điều 157; Điều 158; khoản 1 điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ vào Luật đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019, Luật khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật khiếu nại ngày 11/11/2011, Thông tư số 60/2014/TT-BTNMT ngày 18/11/2014 của Bộ Công An

- Căn cứ quy định tại Điều 29 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P về giải quyết khiếu nại lần đầu. Vì không công nhận toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H về việc: Đề nghị Nhà nước trả lại mảnh đất có tục danh “Đám đất Đá” diện tích trên 01 mẫu (5.000m²) do ông và cha mẹ ông khai hoang sau năm 1975 và yêu cầu bồi thường việc khai dỡ đám đất có tục danh “Bờ Bạ” có diện tích hơn 04 sào (2.000m²) do xây dựng hồ T đắp đê ngập nước; ông đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giao lại đất ruộng vì hộ gia đình đông người nhưng chưa được giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính Phủ và hủy Quyết định 1531/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về giải quyết khiếu nại lần hai. Vì công nhận và giữ nguyên Quyết định số 567/QĐ –UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P về giải quyết khiếu nại.

Bản án sơ thẩm còn Quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 09/9/2022, người khởi kiện – ông Nguyễn Trọng H (sau đây gọi là Người khởi kiện) kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm và đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xác định việc bồi thường đám “ đất đá ”vì chưa bồi thường khi thu hồi đất; xác minh lại đám đất “ Bờ Bạ” vì có trong thực tế để đảm bảo quyền lợi cho Ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện, hủy bản án sơ thẩm để xác minh lại các nội dung nêu trên; Người bị kiện và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía Người bị kiện đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Người khởi kiện; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2022/HC-ST ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa. Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P có đơn xin xét xử vắng mặt; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía Người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 và khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Trọng H yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xác định việc bồi thường đất có tục danh “Đất Đá” vì chưa bồi thường khi thu hồi đất; xác minh lại đất có tục danh “Bờ Bạ” vì có đất trong thực tế để đảm bảo quyền lợi cho Ông thì thấy:

[2.1]. Đối với yêu cầu trả lại thửa đất có tục danh “Đất Đá” : Theo xác nhận của UBND xã C về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất liên quan đến thửa đất có tục danh “Đất Đá” như sau: Nguồn gốc đất do cha của ông Nguyễn Trọng H là ông Nguyễn P (chết năm 2007) và mẹ là bà Đinh Thị C (chết năm 2017) khai vỡ đất hoang từ sau năm 1975 để trồng hoa màu, có giới cận: Đông giáp đất ông Nguyễn Hữu L, Tây giáp đường đi công cộng, Nam giáp đất ông Nguyễn Văn T, Bắc giáp đất ông Trần T, ông Trần N. Hộ ông Nguyễn P (cha của ông Nguyễn Trọng H) là hộ xã viên hợp tác xã nông nghiệp C 1. Theo quy định về chính sách hợp tác hóa nông nghiệp tỉnh N ban hành ngày 26/7/1979. Người vào hợp tác xã nông nghiệp góp toàn bộ ruộng đất của mình vào hợp tác xã, không được dấu bớt làm của riêng. Do đó toàn bộ ruộng đất của hộ ông Nguyễn P đã được đưa vào hợp tác xã nông nghiệp C 1 để sản xuất, làm ăn tập thể, trong đó có thửa đất tục danh “Đất Đá”. Theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp đo đạc năm 2004, thửa đất ông Nguyễn Trọng H đang khiếu nại (có tục danh “Đất Đá”) thuộc toàn phần các thửa đất số 46, 50, 54 và một phần thửa đất số 44, 58, tờ bản đồ số 1 với diện tích 13.933,5m². Theo hồ sơ địa chính (bản đồ địa chính, sổ địa chính và sổ mục kê) do Sở địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường) phê duyệt ngày 09/11/1998 thì thửa đất có tục danh “Đất Đá” nêu trên thuộc các thửa đất số 1112, 1113, 1114, 1115 loại đất màu thuộc tờ bản đồ số 01 thuộc đất công ích do UBND xã C quản lý. Năm 1993, hộ gia đình ông Nguyễn P (cha của ông Nguyễn Trọng H) được nhà nước cân đối giao quyền sử dụng ruộng đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ gồm 02 thửa đất: Thửa đất số 227 (01), tờ bản đồ số 02, loại đất lúa, đất hạng 2, diện tích 370m² và thửa đất số 996, tờ bản đồ số 02, đất vườn thửa hạng 2, diện tích 1.610m² (gồm 200m² đất ở và 1.410m² đất vườn). Riêng thửa đất có tục danh “Đất Đá” nêu trên, chính quyền địa phương không xét giao cho hộ ông Nguyễn P cũng như các hộ khác và đưa vào quỹ công ích do xã quản lý. Ngày 27/8/2000 UBND xã C tổ chức đấu giá công khai để cho thuê đất công ích của xã bao gồm thửa đất có tục danh “Đất Đá” nêu

trên. Kết quả hộ ông Trần L (vợ là bà Trần Thị T) trúng đấu giá (theo hợp đồng số 02A/HA-UB ngày 07/9/2000 với diện tích 9950m²) và hộ ông Nguyễn Trọng H (anh ruột ông Nguyễn Trọng H hiện nay đã chết) vợ là bà Hồ Thị N trúng đấu giá (theo hợp đồng số 02B ngày 07/9/2000 với diện tích 9950m²). Hiện trạng thửa đất có tục danh “Đất Đá” do hộ ông Trần L và hộ bà Hồ Thị N trồng cây điều. N vậy, ông Nguyễn Trọng H đề nghị trả lại thửa đất có tục danh “Đất Đá” là không đúng với quy định tại khoản khoản 2 Điều 10 Luật đất đai năm 2003 nay là khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013.

[2.2]. Về yêu cầu bồi thường, hỗ trợ đối với thửa đất có tục danh “Bờ Bạ”: Theo báo cáo của UBND xã Cát Tường từ năm 1980 đến năm 2012, hồ T được xây dựng, sửa chữa và nâng cấp nhiều lần. Hồ T được xây dựng đầu tiên vào năm 1980, do hợp tác xã nông nghiệp C 1 làm chủ đầu tư. Về hồ sơ bồi thường khi xây dựng hồ T do hợp tác xã nông nghiệp C 1 quản lý (Hợp tác xã nông nghiệp C 1 đã giải thể khoảng năm 1991, không còn hồ sơ lưu trữ), UBND xã C không có lưu trữ hồ sơ bồi thường của dự án trong khoảng thời gian này. N 2008, thực hiện dự án nâng cấp xây dựng tràn hồ T, UBND huyện P đã ban hành quyết định số 1306/QĐ-CTUBND ngày 18/12/2008 về việc phê duyệt phương án và giá trị bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng công trình nâng cấp xây dựng tràn hồ T. Theo đó, có 20 hộ có đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng (không có thửa đất “Bờ Bạ” và không có tên hộ ông Nguyễn Trọng H) 20 hộ dân có đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng dự án đã thực hiện kê khai, nhận đủ số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ và không có đơn thư khiếu nại liên quan đến việc kiểm kê, đo đạc thiếu diện tích đất của cơ quan chức năng. Sau khi hoàn thành Dự án nâng cấp hồ chứa nước T thì một số thửa đất xung quanh hồ bị ngập nước; UBND huyện P ban hành Quyết định số 2141/QĐ-CTUBND ngày 21 tháng 11 năm 2012 về việc kiện toàn Tổ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với phần diện tích đất, tài sản trên đất bị ngập nước do nâng cấp hồ chứa nước T. Ngày 28/12/2012, UBND huyện P ban hành Quyết định số 2475/QĐ-CTUBND về việc phê duyệt phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ phần diện tích đất, tài sản trên đất bị ngập nước do nâng cấp hồ chứa nước T; theo đó, có 26 hộ có đất và tài sản trên đất nằm phía ngoài hồ T bị ngập nước, gồm: Xã Cát Trinh có 20 hộ và xã C có 06 hộ (không có thửa đất “Bờ Bạ” và không có tên hộ ông Nguyễn Trọng H). Tất cả 26 hộ dân có đất và tài sản trên đất bị ảnh hưởng dự án đã thực hiện kê khai, nhận đủ số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ và không có đơn thư khiếu nại liên quan đến việc kiểm kê, đo đạc thiếu diện tích đất của cơ quan chức năng. Theo xác nhận của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện P về trình tự thực hiện bồi thường, hỗ trợ dự án nâng cấp, mở rộng hồ T. UBND huyện P thành lập Tổ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng phần diện tích đất, tài sản trên đất bị ngập nước khi nâng cấp hồ chứa nước T; Trung tâm Phát triển quỹ đất với UBND xã C, UBND xã Cát Trinh tiến hành kiểm điểm đối với từng thửa đất bị ảnh hưởng dự án. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện đã gửi danh sách các thửa đất bị ảnh hưởng cho UBND xã C và UBND xã Cát Trinh để xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất để tính toán bồi thường, hỗ trợ. Từ khi thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng phần diện tích, tài sản trên đất bị ngập nước khi nâng cấp hồ chứa nước T từ năm

2008 đến nay là 12 năm, người dân của xã Cát Trinh và xã C không có khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến việc tính toán bồi thường, hỗ trợ của dự án này (ông Nguyễn Trọng H không có đơn thư khiếu nại về việc các cơ quan chức năng kiểm kê, đo đạc thiếu diện tích đất ông) nên yêu cầu này của ông H cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3]. Về yêu cầu giao thêm đất nông nghiệp: Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp. Xét điều kiện thực tế, hộ gia đình bà Nguyễn Thị N (vợ của ông H) ở tại địa phương có tổng số 7 nhân khẩu, UBND xã C đã xét giao và được cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ số 0087-TS1 ngày 24 tháng 10 năm 1997 cho hộ ông Nguyễn Trọng H sử dụng 06 thửa đất, gồm: 04 thửa đất ruộng lúa, với tổng diện tích 2.470m² (thửa đất số 63, tờ bản đồ số 2, loại đất lúa, đất hạng 2, diện tích 850m²; thửa đất số 85, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất hạng 5, diện tích 500m², thửa đất số 87, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất hạng 5, diện tích 290m²; thửa đất số 600, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, đất hạng 4, diện tích 830m²); 01 thửa đất trồng cây hàng năm khác (ĐRM) số 590, tờ bản đồ số 2, đất hạng 2, diện tích 540m² và diện tích 1.620m² (trong đó có 200m² đất ở và 1.420m² đất vườn, đất hạng 2, hiện nay gia đình ông H đang ở) thuộc một phần thửa đất số 1072, tờ bản đồ số 2. Căn cứ phương án giao quyền và cấp Giấy CNQSD ruộng đất lâu dài cho nhân dân xã C thì gia đình ông H đã được giao đất đủ nhân khẩu, với diện tích đất được giao tương đương trên 7 nhân khẩu (7,33 nhân khẩu) nên yêu cầu này của ông H cũng không có căn cứ để chấp nhận.

[2]. Chủ tịch UBND huyện P ban hành Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Trọng H, theo đó: “Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H”. Không đồng ý với kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện P, ông Nguyễn Trọng H tiếp tục gửi đơn đến UBND tỉnh Bình Định. Ngày 29/4/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 1531/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Trọng H và không chấp nhận khiếu nại của ông H là đúng quy định của pháp luật.

[3]. Từ những nhận định trên có căn cứ để khẳng định Bản án sơ thẩm Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H là có căn cứ, đúng với các quy định của pháp luật đã viện dẫn ở trên. Sau khi xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm Bác đơn kháng cáo của Người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2022/HC-ST, ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

[4]. Kháng cáo của ông Nguyễn Trọng H không được chấp nhận nên ông H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Trọng H. Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2022/HC-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Áp dụng: Khoản 5 Điều 26, Điều 76, Điều 77 và Điều 78 Luật Đất đai năm 2013.

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng H yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 567/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P về giải quyết khiếu nại lần đầu. Vì không công nhận toàn bộ yêu cầu khiếu nại của ông Nguyễn Trọng H về việc: Đề nghị Nhà nước trả lại mảnh đất có tực danh “Đám đất Đá” diện tích trên 01 mẫu (5.000m²) do ông và cha mẹ ông khai hoang sau năm 1975 và yêu cầu bồi thường việc khai dỡ đám đất có tực danh “Bờ Bạ” có diện tích hơn 04 sào (2.000m²) do xây dựng hồ T đắp đê ngập nước; ông đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giao lại đất ruộng vì hộ gia đình đông người nhưng chưa được giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính Phủ và hủy Quyết định 1531/QĐ-UBND ngày 29/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về giải quyết khiếu nại lần hai. Vì công nhận và giữ nguyên Quyết định số 567/QĐ –UBND ngày 04/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện P về giải quyết khiếu nại.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: - Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Trọng H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000189 ngày 20/9/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

3. Án phí hành chính sơ thẩm được thực hiện theo Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 43/2022/HC-ST ngày 26/8/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III – TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định (để biết);
- Cục THA dân sự tỉnh Bình Định (để thi hành);
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiên